

Số: 10/QĐ-CAT-PV01

Đồng Tháp, ngày 19 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng
phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

GIÁM ĐỐC CÔNG AN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Thông tư số 41/2018/TT-BCA, ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTG, ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 5885/QĐ-BCA-V03, ngày 02/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Công an về việc ban hành Mô hình khung Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 trong Công an nhân dân;

Căn cứ Quyết định số 119/QĐ-BCA-V03, ngày 11/01/2024 của Bộ Công an ban hành Kế hoạch xây dựng, áp dụng và duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2015 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước trong Công an nhân dân năm 2024;

Căn cứ Công văn số 4931/V03-P6, ngày 09/9/2024 của Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp - Bộ Công an về việc thẩm định tài liệu Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2015 của Công an tỉnh Đồng Tháp;

Theo đề nghị của đồng chí Trưởng phòng Tham mưu Công an Tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Công an tỉnh Đồng Tháp phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTG, ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ đối với các lĩnh vực hoạt động tại Phụ lục được ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 101/QĐ-CAT-PV01, ngày 10/7/2023 của Công an Tỉnh về việc ban hành Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 trong lực lượng Công an tỉnh Đồng Tháp và Quyết định số 102/QĐ-CAT-PV01, ngày 10/7/2023 của Công an Tỉnh về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 trong lực lượng Công an tỉnh Đồng Tháp.

Điều 3. Trưởng phòng PV01, PX01, PX05, PC06, PC07, PC08, PA08 và Trưởng Công an cấp huyện, Trưởng Công an cấp xã chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *FD*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, PV01(Đ5).



GIÁM ĐỐC

Đại tá Nguyễn Văn Hiếu

PHỤ LỤC
CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG AN TỈNH ĐỒNG THÁP
PHÙ HỢP VỚI HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG THEO
TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015

(Kèm theo Quyết định số 70 /QĐ-CAT-PV01, ngày 19/9/2024 của Công an Tỉnh)

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Ghi chú
QUY TRÌNH QUẢN LÝ, VẬN HÀNH			
1	Quy trình kiểm soát thông tin dạng văn bản	QT.01	
2	Quy trình quản lý rủi ro và cơ hội	QT.02	
3	Quy trình đánh giá nội bộ	QT.03	
4	Quy trình kiểm soát sự không phù hợp và hành động khắc phục	QT.04	
QUY TRÌNH CHUYÊN MÔN			
1	Cấp giấy phép vào khu vực cấm, khu vực biên giới cho người nước ngoài tại Công an cấp tỉnh	QT.QLXNC.01	
2	Cấp lại thẻ thường trú cho người nước ngoài tại Việt Nam tại Công an cấp tỉnh	QT.QLXNC.02	
3	Cấp đổi thẻ thường trú cho người nước ngoài tại Việt Nam tại Công an cấp tỉnh	QT.QLXNC.03	
4	Cấp thẻ thường trú cho người nước ngoài tại Việt Nam (thực hiện tại cấp tỉnh)	QT.QLXNC.04	
5	Gia hạn tạm trú cho người nước ngoài tại Việt Nam (thực hiện tại cấp tỉnh)	QT.QLXNC.05	
6	Cấp thị thực cho người nước ngoài tại Việt Nam (thực hiện tại cấp tỉnh)	QT.QLXNC.06	
7	Cấp giấy thông hành biên giới cho cán bộ, công chức, viên chức, công nhân sang Campuchia tại Công an cấp tỉnh biên giới tiếp giáp với Campuchia	QT.QLXNC.07	
8	Khai báo tạm trú cho người nước ngoài tại Việt Nam qua Trang thông tin điện tử	QT.QLXNC.08	
9	Trình báo mất hộ chiếu phổ thông (thực hiện tại cấp tỉnh)	QT.QLXNC.09	
10	Cấp hộ chiếu phổ thông ở trong nước (thực hiện tại cấp tỉnh)	QT.QLXNC.10	
11	Cấp lại giấy phép xuất nhập cảnh cho người không quốc tịch cư trú tại Việt Nam tại Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh	QT.QLXNC.11	
12	Cấp giấy phép xuất nhập cảnh cho người không quốc tịch cư trú tại Việt Nam tại Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh	QT.QLXNC.12	
13	Gia hạn tạm trú cho người đã được cấp giấy	QT.QLXNC.13	

	miễn thị thực tại Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh		
14	Cấp thẻ tạm trú cho người nước ngoài tại Việt Nam thực hiện tại Công an cấp tỉnh	QT.QLXNC.14	
15	Trình báo mất giấy thông hành (thực hiện tại cấp tỉnh)	QT.QLXNC.15	
16	Khôi phục giá trị sử dụng hộ chiếu phổ thông (thực hiện tại cấp tỉnh)	QT.QLXNC.16	
17	Cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 02 cho người nước ngoài	QT.QLXNC.17	
18	Trình báo mất thẻ ABTC (thực hiện tại cấp tỉnh)	QT.QLXNC.18	
19	Xác nhận, cung cấp thông tin liên quan đến xuất nhập cảnh của công dân Việt Nam (thực hiện tại cấp tỉnh)	QT.QLXNC.19	
20	Cấp lại chứng chỉ quản lý vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ tại Công an tỉnh	QT.QLHC.01	
21	Cấp đổi Giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ tại Công an tỉnh	QT.QLHC.02	
22	Cấp, cấp đổi chứng chỉ quản lý vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ tại Công an tỉnh	QT.QLHC.03	
23	Cấp lại Giấy chứng nhận sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ tại Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	QT.QLHC.04	
24	Cấp, cấp đổi Giấy chứng nhận sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ tại Công an tỉnh	QT.QLHC.05	
25	Đề nghị huấn luyện về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ tại Công an tỉnh	QT.QLHC.06	
26	Đề nghị xác nhận tình trạng vũ khí, công cụ hỗ trợ đã mất tính năng, tác dụng để triển lãm, trưng bày hoặc làm đạo cụ trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật tại Công an tỉnh	QT.QLHC.07	
27	Đề nghị làm mất tính năng, tác dụng của vũ khí, công cụ hỗ trợ để triển lãm, trưng bày hoặc làm đạo cụ trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật tại Công an tỉnh	QT.QLHC.08	
28	Cấp Giấy phép trang bị, giấy phép sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ để triển lãm, trưng bày hoặc làm đạo cụ trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh	QT.QLHC.09	
29	Thu hồi vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ và giấy phép, giấy xác nhận, giấy	QT.QLHC.10	

	chứng nhận, chứng chỉ về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh		
30	Cấp Giấy phép sửa chữa công cụ hỗ trợ tại Công an tỉnh	QT.QLHC.11	
31	Cấp Giấy phép vận chuyển công cụ hỗ trợ tại Công an tỉnh	QT.QLHC.12	
32	Cấp lại Giấy xác nhận đăng ký công cụ hỗ trợ tại Công an tỉnh	QT.QLHC.13	
33	Cấp Giấy xác nhận đăng ký công cụ hỗ trợ tại Công an tỉnh	QT.QLHC.14	
34	Cấp Giấy phép trang bị vũ khí quân dụng tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh	QT.QLHC.15	
35	Cấp lại Giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ tại Công an tỉnh	QT.QLHC.16	
36	Cấp Giấy phép vận chuyển vũ khí tại Công an tỉnh	QT.QLHC.17	
37	Cấp Giấy phép trang bị vũ khí thể thao tại Công an tỉnh	QT.QLHC.18	
38	Cấp Giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ tại Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh	QT.QLHC.19	
39	Cấp Giấy phép trang bị công cụ hỗ trợ tại Công an tỉnh	QT.QLHC.20	
40	Điều chỉnh Giấy phép vận chuyển tiền chất thuốc nổ tại Công an tỉnh	QT.QLHC.21	
41	Cấp đổi Giấy phép sử dụng vũ khí quân dụng tại Công an tỉnh	QT.QLHC.22	
42	Cấp Giấy phép vận chuyển tiền chất thuốc nổ tại Công an tỉnh	QT.QLHC.23	
43	Cấp Giấy phép sử dụng vũ khí quân dụng tại Công an tỉnh	QT.QLHC.24	
44	Điều chỉnh Giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp tại Công an tỉnh	QT.QLHC.25	
45	Cấp Giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp tại Công an tỉnh	QT.QLHC.26	
46	Thông báo khai báo vũ khí thô sơ tại Công an tỉnh	QT.QLHC.27	
47	Cấp Giấy phép trang bị vũ khí thô sơ tại Công an tỉnh	QT.QLHC.28	
48	Cấp lại Giấy phép sử dụng vũ khí thể thao tại Công an tỉnh	QT.QLHC.29	

49	Cấp đổi Giấy phép sử dụng vũ khí thể thao tại Công an tỉnh	QT.QLHC.30	
50	Cấp Giấy phép sử dụng vũ khí thể thao tại Công an tỉnh	QT.QLHC.31	
51	Cấp lại Giấy phép sử dụng vũ khí quân dụng tại Công an tỉnh	QT.QLHC.32	
52	Cấp Giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp tại Công an tỉnh	QT.QLHC.33	
53	Cấp Giấy phép sửa chữa vũ khí tại Công an tỉnh	QT.QLHC.34	
54	Đăng ký mẫu con dấu mới (thực hiện tại cấp tỉnh)	QT.QLHC.35	
55	Đăng ký thêm con dấu (thực hiện tại cấp tỉnh)	QT.QLHC.36	
56	Đăng ký lại mẫu con dấu (thực hiện tại cấp tỉnh)	QT.QLHC.37	
57	Đăng ký dấu nổi, dấu thu nhỏ, dấu xi (thực hiện tại cấp tỉnh)	QT.QLHC.38	
58	Đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu (thực hiện tại cấp tỉnh)	QT.QLHC.39	
59	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự (thực hiện tại cấp tỉnh)	QT.QLHC.40	
60	Cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự (thực hiện tại cấp tỉnh)	QT.QLHC.41	
61	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự (thực hiện tại cấp tỉnh)	QT.QLHC.42	
62	Cấp thẻ căn cước cho người từ đủ 14 tuổi trở lên (thực hiện tại cấp tỉnh)	QT.QLHC.43	
63	Cấp xác nhận số chứng minh nhân dân 09 số, số định danh cá nhân (thực hiện tại cấp tỉnh)	QT.QLHC.44	
64	Cấp lại thẻ căn cước (thực hiện tại cấp tỉnh)	QT.QLHC.45	
65	Cấp đổi thẻ căn cước (thực hiện tại cấp tỉnh)	QT.QLHC.46	
66	Khai thác thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (thực hiện tại cấp tỉnh)	QT.QLHC.47	
67	Khai thác thông tin của công dân trong Cơ sở dữ liệu căn cước (thực hiện tại cấp tỉnh)	QT.QLHC.48	
68	Cấp thẻ căn cước cho người dưới 14 tuổi (thực hiện tại cấp tỉnh)	QT.QLHC.49	
69	Tích hợp, cập nhật, điều chỉnh thông tin trên thẻ căn cước (thực hiện tại cấp tỉnh)	QT.QLHC.50	
70	Cấp lại giấy chứng nhận căn cước (thực hiện tại cấp tỉnh)	QT.QLHC.51	
71	Khai thác thông tin người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch trong Cơ sở dữ liệu	QT.QLHC.52	

	quốc gia về dân cư (thực hiện tại cấp tỉnh)		
72	Khai thác thông tin người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch trong Cơ sở dữ liệu căn cước (thực hiện tại cấp tỉnh)	QT.QLHC.53	
73	Thu thập, cập nhật thông tin sinh trắc học về ADN vào Cơ sở dữ liệu về căn cước (thực hiện tại cấp tỉnh)	QT.QLHC.54	
74	Thu thập, cập nhật thông tin sinh trắc học về giọng nói vào Cơ sở dữ liệu về căn cước (thực hiện tại cấp tỉnh)	QT.QLHC.55	
75	Cấp đổi giấy chứng nhận căn cước (thực hiện tại cấp tỉnh)	QT.QLHC.56	
76	Cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 02, căn cước điện tử cho công dân Việt Nam (thực hiện tại cấp Tỉnh)	QT.QLHC.57	
77	Cấp tài khoản định danh điện tử cho cơ quan, tổ chức (thực hiện tại cấp tỉnh)	QT.QLHC.58	
78	Khoá tài khoản định danh điện tử (thực hiện tại cấp tỉnh)	QT.QLHC.59	
79	Mở khoá tài khoản định danh điện tử (thực hiện tại cấp tỉnh)	QT.QLHC.60	
80	Khoá căn cước điện tử (thực hiện tại cấp tỉnh)	QT.QLHC.61	
81	Mở khoá căn cước điện tử (thực hiện tại cấp tỉnh)	QT.QLHC.62	
82	Cấp Giấy phép vận chuyển pháo hoa để kinh doanh (thực hiện tại cấp tỉnh)	QT.QLHC.63	
83	Cấp giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy (thực hiện tại cấp tỉnh)	QT.PCCC.01	
84	Cấp đổi Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy (thực hiện tại cấp tỉnh)	QT.PCCC.02	
85	Cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy (thực hiện tại cấp tỉnh)	QT.PCCC.03	
86	Nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy (thực hiện tại cấp tỉnh)	QT.PCCC.04	
87	Phê duyệt Phương án chữa cháy của cơ sở (thực hiện tại cấp tỉnh)	QT.PCCC.05	
88	Cấp lại giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy (thực hiện tại cấp tỉnh)	QT.PCCC.06	
89	Cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cứu	QT.PCCC.07	

	nạn, cứu hộ (thực hiện tại cấp tỉnh)		
90	Cấp lại giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy (thực hiện tại cấp tỉnh)	QT.PCCC.08	
91	Thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy (thực hiện tại cấp tỉnh)	QT.PCCC.09	
92	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ thuộc loại 1, loại 2, loại 3, loại 4 và loại 9 bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, trên đường thủy nội địa (trừ vật liệu nổ công nghiệp) (thực hiện tại cấp tỉnh)	QT.PCCC.10	
93	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ thuộc loại 1, loại 2, loại 3, loại 4 và loại 9 bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, trên đường thủy nội địa (trừ vật liệu nổ công nghiệp) (thực hiện tại cấp tỉnh)	QT.PCCC.11	
94	Phục hồi hoạt động của cơ sở, phương tiện giao thông cơ giới, hộ gia đình và cá nhân (thực hiện tại cấp tỉnh)	QT.PCCC.12	
95	Cấp lại Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cứu nạn, cứu hộ (thực hiện tại cấp tỉnh)	QT.PCCC.13	
96	Cấp Chứng chỉ hành nghề tư vấn về phòng cháy và chữa cháy thực hiện tại cấp tỉnh	QT.PCCC.14	
97	Cấp đổi Chứng chỉ hành nghề tư vấn về phòng cháy và chữa cháy thực hiện tại cấp tỉnh	QT.PCCC.15	
98	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề tư vấn về phòng cháy và chữa cháy thực hiện tại cấp tỉnh	QT.PCCC.16	
99	Cấp Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy (thực hiện tại cấp tỉnh)	QT.PCCC.17	
100	Đăng ký sang tên, di chuyển xe tại Phòng Cảnh sát giao thông (thực hiện tại cấp tỉnh)	QT.CSGT.01	
101	Đăng ký, cấp biển số xe lần đầu (thực hiện tại cấp tỉnh)	QT.CSGT.02	
102	Đăng ký xe tạm thời (thực hiện tại cấp tỉnh)	QT.CSGT.03	
103	Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe (thực hiện tại cấp tỉnh)	QT.CSGT.04	
104	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe tại Công an cấp tỉnh	QT.CSGT.05	
105	Đổi giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe	QT.CSGT.06	

	(thực hiện tại cấp tỉnh)		
106	Đăng ký xe lần đầu bằng dịch vụ công trực tuyến toàn trình đối với xe sản xuất, lắp ráp trong nước (thực hiện tại cấp tỉnh)	QT.CSGT.07	
107	Cấp giấy phép sử dụng thiết bị phát tín hiệu của xe được quyền ưu tiên (thực hiện tại cấp tỉnh)	QT.CSGT.08	
108	Cấp lại thẻ bảo hiểm y tế (thực hiện tại cấp tỉnh)	QT.TCCB.01	
109	Cấp đổi thẻ bảo hiểm y tế (thực hiện tại cấp tỉnh)	QT.TCCB.02	
110	Cấp thẻ bảo hiểm y tế (thực hiện tại cấp tỉnh)	QT.TCCB.03	
111	Tuyển chọn công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân (thực hiện tại cấp tỉnh)	QT.TCCB.04	
112	Xét hưởng chế độ đối với người trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào nhưng chưa được hưởng chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước tại Công an Tỉnh	QT.TCCB.05	
113	Xét hưởng chế độ trợ cấp một lần đối với những người cộng tác bí mật với cơ quan Công an được Công an từ cấp huyện (quận), Ban An ninh huyện (quận)... trở lên tổ chức, quản lý và giao nhiệm vụ hoạt động trong khoảng thời gian từ tháng 7-1954 đến 30-4-1975 ở chiến trường B, C, K, D (kể cả số đã chết) (thực hiện tại cấp tỉnh)	QT.TCCB.06	
114	Xét hưởng chế độ trợ cấp một lần đối với hạ sĩ quan, chiến sĩ quân đội nhân dân, công an nhân dân tham gia chiến đấu, hoạt động ở các chiến trường B, C, K sau đó trở thành người hưởng lương; thanh niên xung phong hưởng lương từ ngân sách Nhà nước, cán bộ dân chính đảng hoạt động cách mạng ở chiến trường B, C, K từ 30-4-1975 trở về trước không có thân nhân chủ yếu (vợ hoặc chồng; bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi; con đẻ, con nuôi hợp pháp) phải trực tiếp nuôi dưỡng ở miền Bắc (thực hiện tại cấp tỉnh)	QT.TCCB.07	
115	Xét hưởng chế độ đối với cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong Công an nhân dân đã thôi việc, xuất ngũ về	QT.TCCB.08	

	địa phương (thực hiện tại cấp tỉnh)		
116	Xét hưởng chế độ trợ cấp một lần đối với sĩ quan, hạ sĩ quan, cán bộ, chiến sĩ, công nhân viên Công an nhân dân trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước ở chiến trường B, C, K trong khoảng thời gian từ ngày 20-7-1954 đến 30-4-1975, về gia đình từ ngày 31-12-1976 trở về trước, chưa được hưởng một trong các chế độ phục viên, xuất ngũ, thôi việc, bệnh binh, mất sức lao động hàng tháng và chế độ hưu trí hàng tháng, trước khi về gia đình thuộc biên chế Công an nhân dân (thực hiện tại cấp tỉnh)	QT.TCCB.09	
117	Tuyển lao động hợp đồng trong Công an nhân dân (thực hiện tại cấp tỉnh)	QT.TCCB.10	
118	Tuyển chọn công dân vào Công an nhân dân (thực hiện tại cấp tỉnh)	QT.TCCB.11	
119	Tuyển sinh vào các trường Công an nhân dân tại Công an cấp tỉnh	QT.TCCB.12	
120	Xét hưởng trợ cấp đối với thương binh, người được hưởng chính sách như thương binh tại Công an cấp tỉnh	QT.TCCB.13	
121	Xét công nhận người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945 và người hoạt động cách mạng từ 01/01/1945 đến trước tổng khởi nghĩa 19/8/1945 tại Công an cấp tỉnh	QT.TCCB.14	
122	Xét công nhận liệt sỹ, cấp bằng Tổ quốc ghi công và Giấy chứng nhận gia đình liệt sỹ đối với liệt sỹ và thân nhân liệt sỹ tại Công an cấp tỉnh	QT.TCCB.15	
123	Xét hưởng trợ cấp hàng tháng hoặc trợ cấp một lần đối với Bệnh binh tại Công an cấp tỉnh	QT.TCCB.16	
124	Xét trợ cấp đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học tại Công an cấp tỉnh	QT.TCCB.17	
125	Xét hưởng trợ cấp hàng tháng hoặc trợ cấp một lần đối với Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động trong kháng chiến tại Công an cấp tỉnh	QT.TCCB.18	
126	Giải quyết tố cáo không thuộc lĩnh vực tố tụng hình sự của công dân đối với lực lượng Công an nhân dân (thực hiện tại cấp tỉnh)	QT.KNTC.01	
127	Giải quyết khiếu nại về quyết định hành	QT.KNTC.02	

	chính, hành vi hành chính của công dân đối với lực lượng Công an nhân dân (thực hiện tại cấp tỉnh)		
128	Trình báo mất giấy thông hành (thực hiện tại cấp huyện)	QT.CAH.01	
129	Trình báo mất hộ chiếu phổ thông (thực hiện tại cấp huyện)	QT.CAH.02	
130	Trình báo mất thẻ ABTC (thực hiện tại cấp huyện)	QT.CAH.03	
131	Xác nhận, cung cấp thông tin liên quan đến xuất nhập cảnh của công dân Việt Nam (thực hiện tại cấp huyện)	QT.CAH.04	
132	Cấp lại thẻ căn cước (thực hiện tại cấp huyện)	QT.CAH.05	
133	Cấp đổi thẻ căn cước (thực hiện tại cấp huyện)	QT.CAH.06	
134	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự (thực hiện ở cấp huyện)	QT.CAH.07	
135	Cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự (thực hiện tại cấp huyện)	QT.CAH.08	
136	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự (thực hiện tại cấp huyện)	QT.CAH.09	
137	Cấp xác nhận số chứng minh nhân dân 09 số, số định danh cá nhân (thực hiện tại cấp huyện)	QT.CAH.10	
138	Cấp thẻ căn cước cho người từ đủ 14 tuổi trở lên (thực hiện tại cấp huyện)	QT.CAH.11	
139	Khai thác thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu căn cước (thực hiện tại cấp huyện)	QT.CAH.12	
140	Khai thác thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (thực hiện tại cấp huyện)	QT.CAH.13	
141	Cấp lại giấy chứng nhận căn cước (thực hiện tại cấp huyện)	QT.CAH.14	
142	Khai thác thông tin người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch trong Cơ sở dữ liệu căn cước (thực hiện tại cấp huyện)	QT.CAH.15	
143	Khai thác thông tin người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (thực hiện tại cấp huyện)	QT.CAH.16	
144	Thu thập, cập nhật thông tin sinh trắc học về ADN vào Cơ sở dữ liệu về căn cước (thực hiện tại cấp huyện)	QT.CAH.17	

145	Thu thập, cập nhật thông tin sinh trắc học về giọng nói vào Cơ sở dữ liệu về căn cước (thực hiện tại cấp huyện)	QT.CAH.18	
146	Thu thập, cập nhật thông tin của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước và cấp giấy chứng nhận căn cước (thực hiện tại cấp huyện)	QT.CAH.19	
147	Tích hợp, cập nhật, điều chỉnh thông tin trên thẻ căn cước (thực hiện tại cấp huyện)	QT.CAH.20	
148	Cấp thẻ căn cước cho người dưới 14 tuổi (thực hiện tại cấp huyện)	QT.CAH.21	
149	Điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước theo đề nghị của người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch	QT.CAH.22	
150	Cấp đổi giấy chứng nhận căn cước (thực hiện tại cấp huyện)	QT.CAH.23	
151	Cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 02, căn cước điện tử cho công dân Việt Nam (thực hiện tại cấp huyện)	QT.CAH.14	
152	Cấp tài khoản định danh điện tử cho cơ quan, tổ chức (thực hiện tại cấp huyện)	QT.CAH.25	
153	Khoá tài khoản định danh điện tử (thực hiện tại cấp huyện)	QT.CAH.26	
154	Mở khoá tài khoản định danh điện tử (thực hiện tại cấp huyện)	QT.CAH.27	
155	Khoá căn cước điện tử (thực hiện tại cấp huyện)	QT.CAH.28	
156	Mở khoá căn cước điện tử (thực hiện tại cấp huyện)	QT.CAH.29	
157	Cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy (thực hiện tại cấp huyện)	QT.CAH.30	
158	Cấp lại Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy (thực hiện tại cấp huyện)	QT.CAH.31	
159	Phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở (thực hiện tại cấp huyện)	QT.CAH.32	
160	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ thuộc loại 1, loại 2, loại 3, loại 4 và loại 9 bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, trên đường thủy nội địa (trừ vật liệu nổ công nghiệp) (thực hiện tại	QT.CAH.33	

	cấp huyện)		
161	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ thuộc loại 1, loại 2, loại 3, loại 4 và loại 9 bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, trên đường thủy nội địa (trừ vật liệu nổ công nghiệp) (thực hiện tại cấp huyện)	QT.CAH.34	
162	Phục hồi hoạt động của cơ sở, phương tiện giao thông cơ giới, hộ gia đình và cá nhân (thực hiện tại cấp huyện)	QT.CAH.35	
163	Cấp chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ về cứu nạn, cứu hộ (thực hiện tại Công an cấp huyện)	QT.CAH.36	
164	Cấp lại chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ về cứu nạn, cứu hộ (thực hiện tại Công an cấp huyện)	QT.CAH.37	
165	Đăng ký sang tên, di chuyển xe tại Công an cấp huyện	QT.CAH.38	
166	Đăng ký, cấp biển số xe lần đầu (thực hiện tại cấp huyện)	QT.CAH.39	
167	Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe (thực hiện tại cấp huyện)	QT.CAH.40	
168	Đăng ký xe tạm thời (thực hiện tại cấp huyện)	QT.CAH.41	
169	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe (thực hiện tại cấp huyện)	QT.CAH.42	
170	Đổi chứng nhận đăng ký, biển số xe tại Công an cấp huyện	QT.CAH.43	
171	Đăng ký xe lần đầu bằng dịch vụ công trực tuyến toàn trình đối với xe sản xuất, lắp ráp trong nước (thực hiện tại cấp huyện)	QT.CAH.44	
172	Giải quyết khiếu nại về quyết định hành chính, hành vi hành chính của công dân đối với lực lượng Công an nhân dân (thực hiện tại cấp huyện)	QT.CAH.45	
173	Giải quyết tố cáo không thuộc lĩnh vực tố tụng hình sự của công dân đối với lực lượng Công an nhân dân (thực hiện tại cấp huyện)	QT.CAH.46	
174	Khai báo tạm trú cho người nước ngoài tại Việt Nam bằng Phiếu khai báo tạm trú	QT.CAX.01	
175	Trình báo mất thẻ ABTC (thực hiện tại cấp xã)	QT.CAX.02	
176	Trình báo mất giấy thông hành (thực hiện tại cấp xã)	QT.CAX.03	

177	Trình báo mất hộ chiếu phổ thông (thực hiện tại cấp xã)	QT.CAX.04	
178	Thông báo khai báo vũ khí thô sơ tại Công an xã, phường, thị trấn	QT.CAX.05	
179	Gia hạn tạm trú	QT.CAX.06	
180	Thông báo lưu trú	QT.CAX.07	
181	Xóa đăng ký thường trú	QT.CAX.08	
182	Khai báo tạm vắng	QT.CAX.09	
183	Đăng ký tạm trú	QT.CAX.10	
184	Đăng ký thường trú	QT.CAX.11	
185	Xóa đăng ký tạm trú	QT.CAX.12	
186	Tách hộ	QT.CAX.13	
187	Điều chỉnh thông tin về cư trú trong Cơ sở dữ liệu về cư trú	QT.CAX.14	
188	Khai báo thông tin về cư trú đối với người chưa đủ điều kiện đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú	QT.CAX.15	
189	Xác nhận thông tin về cư trú	QT.CAX.16	
190	Khai thác thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (thực hiện tại cấp xã)	QT.CAX.17	
191	Xác nhận số chứng minh nhân dân 09 số, số định danh cá nhân (thực hiện tại cấp xã)	QT.CAX.18	
192	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự (thực hiện tại cấp xã)	QT.CAX.19	
193	Cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự (thực hiện tại Công an cấp xã)	QT.CAX.20	
194	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự (thực hiện tại Công an cấp xã)	QT.CAX.21	
195	Khai thác thông tin người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (thực hiện tại cấp xã)	QT.CAX.22	
196	Điều chỉnh thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo đề nghị của công dân (thực hiện tại cấp xã)	QT.CAX.23	
197	Hủy, xác lập lại số định danh cá nhân (thực hiện tại cấp xã)	QT.CAX.24	
198	Cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 02, căn cước điện tử cho công dân Việt Nam (thực hiện tại cấp xã)	QT.CAX.25	
199	Khoá tài khoản định danh điện tử (thực hiện tại cấp xã)	QT.CAX.26	
200	Mở khoá tài khoản định danh điện tử (thực hiện tại cấp xã)	QT.CAX.27	
201	Khoá căn cước điện tử (thực hiện tại cấp xã)	QT.CAX.28	

202	Mở khoá căn cước điện tử (thực hiện tại cấp xã)	QT.CAX.29	
203	Đăng ký xe lần đầu (thực hiện tại Công an cấp xã được phân cấp đăng ký xe)	QT.CAX.30	
204	Đăng ký sang tên, di chuyển xe mô tô, xe gắn máy (thực hiện tại Công an cấp xã được phân cấp đăng ký xe)	QT.CAX.31	
205	Thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe (thực hiện tại Công an cấp xã được phân cấp đăng ký xe)	QT.CAX.32	
206	Cấp đổi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe (thực hiện tại Công an cấp xã được phân cấp đăng ký xe)	QT.CAX.33	
207	Cấp lại chứng nhận đăng ký xe, biển số xe (thực hiện tại Công an cấp xã được phân cấp đăng ký xe)	QT.CAX.34	
208	Đăng ký xe tạm thời (thực hiện tại Công an cấp xã được phân cấp đăng ký xe)	QT.CAX.35	
209	Đăng ký xe lần đầu bằng dịch vụ công trực tuyến toàn trình đối với xe sản xuất, lắp ráp trong nước (thực hiện tại cấp xã)	QT.CAX.36	
210	Giải quyết tố cáo không thuộc lĩnh vực tố tụng hình sự của công dân đối với lực lượng Công an nhân dân thực hiện tại cấp xã (phải là cán bộ thuộc biên chế của lực lượng Công an)	QT.CAX.37	
211	Giải quyết khiếu nại về quyết định hành chính, hành vi hành chính của công dân đối với lực lượng Công an nhân dân thực hiện tại cấp xã (phải là cán bộ thuộc biên chế của lực lượng Công an)	QT.CAX.38	

BIỂU MẪU, HƯỚNG DẪN

1	Hướng dẫn kế hoạch triển khai đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với HTQLCL;		
2	Phiếu tiếp nhận giải quyết hồ sơ và hẹn trả kết quả;	BM.01	
3	Phiếu yêu cầu hoàn thiện và bổ sung hồ sơ;	BM.02	
4	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ;	BM.03	
5	Phiếu xin lỗi và hẹn lại ngày trả kết quả;	BM.04	
6	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ;	BM.05	
7	Sổ theo dõi hồ sơ.	BM.06	